Hòa thượng Thích Từ Phong (1864-1938)

ISSN: 2734-9195 20:16 16/12/2023

Hòa thượng Thích Từ Phong, thế danh Nguyễn Văn Tường, sanh năm Giáp Tý (1864) tại Sông Tra, thôn Đức Hòa Thượng, tổng Dương Hòa Thượng, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định, nay là huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngài là con trai út duy nhất của gia đình gồm ba chị em, sống bằng nông nghiệp. Năm 16 tuổi, nghe cha mẹ bàn bạc về việc lo gia thất cho mình, Ngài từ chối và xin song thân cho được xuất gia học Phật. Được toại nguyện, Ngài tìm đến chùa Từ Lâm ở làng Hiệp Ninh, châu thành Tây Ninh, xin quy y thọ giới với thiền sư Minh Đạt (tục gọi Yết Ma Lượng) là một danh Tăng khả kính đương thời.

Tu học tại chùa Từ Lâm được một thời gian, Ngài đến chùa Giác Viên ở thôn Bình Thới, tổng Tân Phong Trung, huyện Tân Long, tỉnh Gia Định (nay thuộc phường 9, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh) cầu pháp với Hòa thượng Hoằng Ân - Minh Khiêm, được ban pháp danh Như Nhãn, pháp hiệu Từ Phong, truyền thừa đời thứ 39 dòng Lâm Tế, chi phái Đạo Mẫn. Hòa thượng Hoằng Ân thường vân du hóa đạo, ít trụ tại chùa, nên lập ban trụ trì để chăm lo Phật sự, Ngài được cử làm thư ký.

Bấy giờ tại xóm Chợ Gạo, làng Tân Hòa Đông, tổng Long Trung, tỉnh Chợ Lớn (nay thuộc quận 6,thành phố Hồ Chí Minh) có bà Trần Thị Liễu lập một cảnh chùa để tu tâm dưỡng tánh, an hưởng tuổi già. Được một thời gian, bà cúng ngôi chùa ấy cho Hòa thượng Hoằng Ân và thỉnh Hòa thượng tới trú trì để hoằng dương Phật pháp. Hòa thượng Hoằng Ân cử Ngài về đó thay thế. Ngôi chùa của bà Liễu mang hiệu là Giác Sơn Tự. Ngài thấy hai chữ Giác Sơn chưa đủ ý nghĩa, nên đổi là Giác Hải Tự, lấy ý trong câu “Giác giả năng độ mê tân. Mê giả tắc trầm khổ hải” (1) . Từ đó Ngài vâng lệnh Bổn sư, nối nghiệp Tổ tông, hoằng dương đạo pháp tại chùa Giác Hải (2) .

Năm 29 tuổi (Quý Tỵ 1893), sau mùa an cư kiết hạ, tại chùa Giác Viên có Đại giớiđàn, Ngài được cử làm Yết Ma A Xà Lê. Vốn là người uyên bác lại tinh tấn nghiên cứu học hỏi nên Ngài sớm trở thành một Pháp sư tinh thông kinh điển, có tài hùng biện luôn thuyết phục được người nghe. Vì vậy ai cũng thích đến nghe pháp với Ngài. Năm Kỷ Dậu (1909) chùa Long Quang ở Châu Thành - Vĩnh

Long khai trường Hương, thỉnh Ngài làm Pháp sư, nhân dịp này, Ngài viết bài "Khải cáo phát minh văn".

Năm Nhâm Tý (1912) tại Tổ đình Giác Lâm khai trường Hương, Ngài được tôn làm Hòa thượng Pháp sư. Sau mùa an cư này, Ngài nhờ hiệu Quảng Đồng An ở Chợ Lớn đặt bản đá in bộ "Quy nguyên trực chỉ" do Ngài diễn Nôm, Bổn sư là Hòa thượng Hoằng Ân hiệu đính. Bài "Khải cáo phát minh văn" được in lên đầu sách. Khoảng năm 1915, Ngài lại soạn bộ "Tông cảnh yếu ngữ lục" nhằm nhắc nhở những Tăng Ni trẻ mới xuất gia cố gắng tu hành.

Năm Kỷ Mùi (1919) Hòa thượng Chánh Hậu ở chùa Vĩnh Tràng (Mỹ Tho) khai trường Hương gia giáo, Ngài được mời làm Pháp sư. Qua năm sau (Canh Thân 1920), Ngài lại được thỉnh làm pháp sư trường Hương tại chùa Bửu Long ở thôn Trung Tín, tổng Bình Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, do bà Trần Thị Thọ một thí chủ hằng tâm hằng sản cúng dường mọi sở phí. Đây là chùa tư của bà Thọ. Sau mùa an cư bà cúng ngôi chùa cho Ngài. Em bà Thọ là bà Trần Thị Sanh cũng cúng cho Ngài chùa Từ Lâm. Một số Phật tử khác ở Vĩnh Long cúng cho Ngài chùa An Thạnh, chùa Giác Quang. Ở Mỹ Tho có gia đình ông Trần Văn Thông cúng cho Ngài chùa Linh Phong. Ở Gò Công các Phật tử cúng chùa Phú Thới v.v... Tổng số tự viện các nơi cúng cho Ngài có đến khoảng 20 ngôi.

Đạo đức , học vấn và tài hùng biện của Ngài nổi tiếng đến độ có một số người Pháp thường đến chùa tham vấn, tôn Ngài vào bậc thầy, như Ông Lamacs (lúc đó làm Thiếu tá hải quân). Ông Doumergue (lúc đó làm Thống Đốc Nam Kỳ). Hoàng gia Campuchia đã bốn lần thỉnh Ngài sang Phom Pênh thuyết pháp. Mặc dầu hoàng tộc và triều thần thường nghe giáo lý Tiểu thừa. Nhưng do cả hai bên đều thành tâm vì đạo pháp nên vẫn được kết quả cao. Một sự kiện khá hy hữu đã xảy ra: vua Norodom cảm phục đạo hạnh cao cả và kiến thức uyên thâm của Ngài đã thỉnh Ngài làm lễ xuống tóc để xuất gia tu học có hạn kỳ theo phong tục nước Campuchia.

Trong những năm 1920-1925, thấy chùa Từ Lâm của thầy Tổ mình nằm trong khuôn viên châu thành Tây Ninh quá chật hẹp, Ngài dựng một ngôi chùa mới tại Gò Kén, Thôn Thái Hiệp Thạnh, gần châu thành. Ngôi chùa này qui mô đồ sộ, trang trí đẹp, nằm trong khu vực yên tĩnh, rộng rãi, cũng mang tên Từ Lâm, ngụ ý của Ngài là muốn tuyên dương công nghiệp của Thầy Tổ mình. Sau đó Ngài lại cải táng hài cốt Sư phụ là thiền sư Minh Đạt về chùa mới, xây tháp tôn thờ. Năm 1926, đạo Cao Đài thành lập ở Tây Ninh. Các chức sắc tiên phong thấy Ngài đạo phong cao trọng, lại có sẵn ngôi chùa khang trang, có ý muốn tôn Ngài chức Thái Chưởng Pháp và mượn chùa Từ Lâm 3 tháng để thiết đàn cầu cơ. Ngài chỉ chấp nhận cho mượn chùa 3 tháng, sau gia hạn thêm 1 tháng để tôn giáo bạn có đủ thời giờ xây dựng thánh thất.

Bấy giờ các tự viện ở Nam bộ thường liên kết lại thành một hội gọi là Hội Lục Hòa, dựa vào hình thức hội họp luân phiên qua lại mỗi lần tại một chùa để gây tình đoàn kết, phát động phong trào chấn hưng Phật giáo. Ngài thường được các nơi thỉnh làm Pháp sư thuyết giảng trong các lần hội họp đó.

Ngày 26-8-1931, do sự hoạt động tích cực của Hòa thượng Khánh Hòa, Thầy Thiện Chiếu, các Hòa thượng trong các Sơn môn, Tổ đình và một số Phật tử hữu tâm, Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học được thành lập, đặt trụ sở tại chùa Linh Sơn, gần chợ Cầu Muối (Sàigòn). Lúc này Ngài đang trụ trì chùa Giác Hải, được bầu làm Chánh Hội Trưởng. Nhưng sau đó hội không tiến hành được Phật sự như mong muốn, vì một số cư sĩ ngăn trở. Năm 1933, các Hòa thượng Khánh Hòa, Từ Phong, Chánh Tâm, Tâm Quang, Khánh Anh, Huệ Quang lui về miền Tây thành lập Phật Học

Đường lưu động gọi là Liên Đoàn Phật Học Xã để đào tạo Tăng tài. Mỗi chùa luân phiên mở lớp học 3 tháng, thường thỉnh Ngài đến giảng dạy. Chẳng bao lâu LiênĐoàn Phật Học Xã gặp khó khăn về tài chánh phải tan rã. Hội Lưỡng Xuyên Phật Học ra đời năm 1934, khóa đầu tiên do Hòa thượng An Lạc chùa Vĩnh Tràng làm Hội trưởng, Ngài làm Chứng minh Đạo sư. Năm 1935, hội xuất bản tạp chí Duy Tâm, mở trường Phật học.

Ngoài Phật sự hoằng dương Chánh pháp, Ngài còn là một bậc chân tu khổ hạnh khó ai sánh bằng. Hằng ngày Ngài trì danh niệm Phật một muôn biến (10.000 lần), không có một thời khắc nào ngơi nghỉ để lo những việc cho cá nhân Ngài, và không hề để cho đồ chúng được chăm sóc phục dịch, dẫu đến khi tuổi già sức yếu.

Cuộc du hóa độ sanh của một cao đức tài hoa vẫn đang đăng trình thì năm Mậu Dần (1938) Ngài viên tịch, thọ 74 tuổi, trên 50 hạ lạp. Chùa Từ Lâm ở Gò Kén đón nhận nhục thân Ngài, sau bao năm tích cực phục vụ phong trào chấn hưng Phật Giáo, đào tạo Tăng tài. Để ghi nhớ công đức Ngài, đồ chúng xây tháp thờ tại chùa Từ Lâm và chùa Giác Hải là hai trú xứ Ngài kiến tạo và dừng chân lâu nhất.

Chú thích: 1) Nghĩa là : Người giác dễ qua bến mê. Kẻ mê ắt chìm trong bể khổ. 2) Nay ở số 345/45 đường Hùng Vương - Quận 6 - TP.Hồ Chí Minh

Trích: **Tiểu sử Danh tăng Việt Nam Thế kỷ XX - Tập 1** *(Gia đoạn chấn hưng Phật giáo Việt Nam)* - Chủ biên: **TT.Thích Đồng Bổn**